

Bản án số: 156/2020/DS-ST  
Ngày 01-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Ông Đoàn Văn Hiến.

***- Thư ký Phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 177/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lê Hồng P, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: tổ 03, ấp Long Châu, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: tổ 08, ấp Hưng Thới, xã ĐHC, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lê Văn G, sinh năm 1941; địa chỉ cư trú: tổ 03, ấp Long Châu, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ban đầu anh Lê Hồng P trình bày:*

Nguyên vào tháng 11/2017 âm lịch, ông H giới thiệu bán 01 đôi bò của anh cho người quen của ông H, anh không biết họ tên (ở Núi Sập) giá 38.000.000 đồng, nhưng người mua chỉ trả giá 36.000.000 đồng, anh không đồng ý bán nhưng ông H kêu bán giá 36.000.000 đồng, ông H đồng ý bù vô 2.000.000 đồng, rồi ông H nhận hết 36.000.000 đồng, trước đó không nhớ rõ ngày tháng thì ông H có vay của anh 4.000.000 đồng, tiền này là của ông Lê

Văn G (ba anh P), tổng cộng ông H nợ anh 42.000.000 đồng. Việc vay tiền không làm biên nhận. Anh yêu cầu ông H phải trả anh 42.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2020 anh Lê Hồng P xác định đòi số tiền trả 36.000.000 đồng (so với số tiền yêu cầu ban đầu là 42.000.000 đồng) cùng lãi suất theo quy định đối với số tiền 36.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 11/2017 âm lịch (là khoảng 12/2017 dương lịch) đến tháng 7 năm 2020 là 02 năm 07 tháng với lãi suất 10%/năm, được tính cụ thể như sau:  $36.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 9.300.000 \text{ đồng}$ . Cộng vốn và lãi là  $36.000.000 \text{ đồng} + 9.300.000 \text{ đồng} = 45.300.000 \text{ đồng}$ . Và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định cho đến khi trả xong khoản nợ.

Bị đơn ông H thừa nhận có mượn Bò ông P, nhưng đó là tiền ông P phải trả tiền mua rấn, tiền học nghề và tiền mua dụng cụ học nghề với số tiền hơn 45.000.000 đồng.

*Tại Pên tòa:* nguyên đơn xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền bán bò 2.000.000 đồng và số tiền vay 4.000.000 đồng, yêu cầu trả số tiền 36.000.000 đồng cùng lãi phát sinh từ tháng 12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; chứng minh nhân dân của anh P; chứng minh nhân dân của ông G; chứng minh nhân dân của ông H (photo).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại Pên tòa, kết quả tranh tụng tại Pên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Ngày 02/6/2020 bị đơn có trình bày là nguyên đơn còn nợ bị đơn tiền mua rấn, tiền học nghề và tiền dụng cụ học nghề, nhưng bị đơn chỉ trình bày mà không nộp đơn yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án không có cơ sở xem xét, nên dành cho bị đơn ông Nguyễn Thanh H khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: anh P yêu cầu ông H trả 36.000.000 đồng cùng tiền lãi với lãi suất theo quy định, thời gian tính lãi từ tháng 11/2017 âm lịch (là khoảng 12/2017 dương lịch) đến tháng 7 năm 2020 là 02 năm 07 tháng với lãi

suất 10%/năm, được tính cụ thể như sau:  $36.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm} \times 07 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 9.300.000 \text{ đồng}$ . Cộng vốn và lãi là  $36.000.000 \text{ đồng} + 9.300.000 \text{ đồng} = 45.300.000 \text{ đồng}$ . Và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định cho đến khi trả xong khoản nợ.

Xét giao dịch vay tiền của ông P với ông H, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch giữa các bên không lập thành văn bản, nhưng bị đơn thừa nhận có nhận bò, nhưng là nhận để khấu trừ vào số tiền học nghề và tiền mượn mua dụng cụ học nghề. Lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, nên hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét khấu trừ trong vụ án này. Xét về giao dịch mượn bò bán với giá 36.000.000 đồng giữa các bên là tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng theo quy định pháp luật thì khi có tranh chấp người có quyền có quyền yêu cầu Tòa án tính lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật tại thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền được tính cụ thể như sau:

Thời điểm vi phạm vào tháng 11/2017 âm lịch (là khoảng 12/2017 dương lịch) đến ngày 31/8/2020 là 02 năm 8 tháng với mức lãi suất 10%/năm:  $36.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm} \times 8 \text{ tháng} = 9.600.000 \text{ đồng}$ . Cộng vốn, lãi phải trả là  $36.000.000 \text{ đồng} + 9.600.000 \text{ đồng} = 45.600.000 \text{ đồng}$ .

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (45.600.000 đồng) là 2.280.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Dành cho ông Nguyễn Thanh H khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Lê Hồng P đối với yêu cầu đòi ông Nguyễn Thanh H trả số tiền 2.000.000 đồng (tiền bán bò) và 4.000.000 đồng tiền vay.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng P: Buộc ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho ông Lê Hồng P số tiền là 45.600.000 đồng.

Kể từ ngày 02/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 2.280.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Lê Hồng P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.050.000 đồng theo biên lai thu số: 0006377 ngày 20 tháng 3 năm 2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003467 ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Giũ    Nguyễn Hoàng Tuấn**

**Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**NAM**  
**HUYỆN C**  
**TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*C, ngày 26 tháng 01 năm 2015*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi